TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **126**/2020/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 4 - 2020
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, xin ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thiện Hoàn;

2. Ông Nguyễn Quốc Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Triết – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 437/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, xin ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 122A/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

<u>*Nguyên đơn*</u>: Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 98, ấp AT, thị trấn AP, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

<u>*Bị đơn*</u>: Bà Phạm Thị Mỹ H, sinh năm 1997; địa chỉ: Ấp VL, xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Ông Đ và bà H vắng mặt tại phiên tòa, ông Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bà H vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai của ông Nguyễn Thành Đ; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Hôn nhân của Ông Nguyễn Thành Đ và bà Phạm Thị Mỹ H do quen biết, tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân nhân thị trấn AP cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/9/2017. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bà H tham gia cờ bạc, tiêu xài phun phí nên hai người thường cự cải. Khoảng tháng 11 năm 2018 thì bà H bỏ về nhà cha mẹ ruột ở

xã VH, huyện An Phú và ly thân cho đến nay. Qua tìm hiểu, ông Đ xác định bà H không còn chung thủy với ông, nên ông Đ xin được ly hôn với bà H.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông Đ và bà H có với nhau 01 (một) con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 25/6/2017. Cháu T hiện sống cùng ông Đ và ông Đ có nguyện vọng được nuôi dạy con chung sau ly hôn và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về chứng cứ: Ông Đ giao nộp: Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 11/9/2017; bản sao Giấy khai sinh của cháu Nguyễn Thành T; bản sao Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Nguyễn Thanh P; bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thành Đ.

Theo yêu cầu của đương sự, Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú, mối quan hệ tình cảm, điều kiện nuôi con được biết:

Theo xác nhận của Công an xã VH thì bà Phạm Thị Mỹ H vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại xã VH. Bà H đi làm ăn xa nhưng vẫn thường trở về nhà. Gia đình cha mẹ bà H hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố trình bày của ông Đ; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Bà Phạm Thị Mỹ H vắng mặt lần thứ hai không lý do; ông Đ có yêu cầu không tham gia phiên tòa, nên tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được công bố tại phiên tòa, có căn cứ xác định, mâu thuẫn tình cảm giữa ông Nguyễn Thành Đ và bà Phạm Thị Mỹ H đã đến mức trầm trọng, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu nuôi con chung của ông Đ. Về tài sản chung, nợ chung không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhưng bà H đều vắng mặt không lý do; ông Đ có yêu cầu không hòa giải, nên tiến hành xét xử mà không qua thủ tục hòa giải là phù hợp quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật. Bà Phạm Thị Mỹ H vắng mặt không lý do; ông Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Như vậy bà H đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông Đ là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Hôn nhân giữa ông Nguyễn Thành Đ và bà Phạm Thị Mỹ H là do tự tìm hiểu tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn AP cấp giấy chứng nhận kết hôn số 79, ngày 11/9/2017. Bà H cư trú tại ấp Vĩnh Lịnh, xã Vĩnh Hậu, huyện An Phú, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1] Về tình cảm: Hôn nhân của ông Nguyễn Thành Đ và bà Phạm Thị Mỹ H là tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới; có đăng ký và được Ủy ban nhân dân thị trấn An Phú cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/9/2017. Hôn nhân giữa ông Đ và bà H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Ông Đ xác định có mâu thuẫn về tình cảm, mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn chỉ từ lời khai ông Đ. Tuy nhiên, qua xác minh thì xác định được giữa ông Đ và bà H có mâu thuẫn về tình cảm, hai người đã ly thân từ năm 2018 và cả hai đều không có nguyện vọng hàn gắn. Bà H biết việc ông Đ xin ly hôn nhưng vẫn không có ý kiến. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa ông Đ và bà H đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đ là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, ông Đ và bà H có với nhau 01 (một) con chung, tên: Nguyễn Thành T, sinh ngày 25/6/2017. Cháu T hiện sống cùng ông Đ và ông Đ có nguyện vọng được nuôi dạy con chung sau ly hôn. Xét ông Đ cũng có đủ điều kiện nuôi con và nhằm để đảm bảo tâm sinh lý, sự phát triển bình thường của cháu Tính, nên giao cháu Tính cho ông Đ tiếp tục nuôi dạy.

Công nhận sự tự nguyện của ông Đ về việc không yêu cầu bà H cấp dưỡng.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Do ông Đ không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này ông bà H có chứng cứ xác định có tài sản chung, nợ chung thì có thể khởi kiện và sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về chi phí tố tụng:

Về án phí: Ông Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà H không phải chịu án phí.

Các đương sự không phải chịu chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 18; điểm a khoản 4 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Thành Đ,

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành Đ được ly hôn với bà Phạm Thị Mỹ H.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Thành Đ được trực tiếp nuôi dạy con chung tên

Nguyễn Thành T, sinh ngày 25/6/2017. Công nhận sự tự nguyện của ông Đ không yêu cầu bà H cấp dưỡng để nuôi con chung.

Ông Nguyễn Thành Đ cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở bà Phạm Thị Mỹ H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Thành Đ phải chịu *300.000 (Ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Thành Đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0011678 ngày 04/12/2019. Ông Đ đã nộp đủ.

Bà Phạm Thị Mỹ H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu chi phí tố tụng khác.

4. về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt các đương sự. Ông Nguyễn Thành Đ và bà Phạm Thị Mỹ H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Giấy chứng nhận kết hôn số 79 do Ủy ban nhân dân thị trấn AP cấp ngày 25/6/2017 cho ông Nguyễn Thành Đ và bà Phạm Thị Mỹ H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (2);
- THADS huyện An Phú (1);
- Các đương sự (2);
- UBND TT AP (1);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Sáu